

Bản án số: 68/2024/DS-ST
Ngày: 10-9-2024
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Nguyễn Văn Trình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2024/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Trụ sở: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chuyên viên xử lý nợ (theo Quyết định số 390/QĐ-NHKL ngày 30/01/2024) (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Lê Triệu V - Sinh năm: 1993. Địa chỉ: K đường B, tổ D phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt không có lý do lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng K), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 19/7/2017, ông Lê Triệu V có ký với Ngân hàng K giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng quốc tế K1 số 20017200000060, với hạn mức sử dụng

là 25.000.000 đồng, loại thẻ Visa Credit classic - không tài sản bảo đảm, mục đích: Tiêu dùng, lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn: 22%/năm, thời hạn vay: 36 tháng. Sau khi giải ngân, ông **Lê Triệu V** thường xuyên không thực hiện thanh toán theo thỏa thuận. Từ ngày 10/10/2017 cho đến nay thì ông **Lê Triệu V** không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Cũng vào ngày 10/10/2017, Ngân hàng đã tạm thời chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông **V** có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và cũng tạo điều kiện về thời gian để ông **V** trả nợ, tuy nhiên ông **V** vẫn không thực hiện, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, **Ngân hàng K** đã khởi kiện ông **Lê Triệu V**, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Lê Triệu V** phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/11/2023 là 175.262.717 đồng, trong đó nợ gốc chưa thanh toán là 25.000.000 đồng, nợ lãi 34.936.270 đồng; phí phát sinh là 115.326.447 đồng. Buộc ông **Lê Triệu V** phải thanh toán khoản tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 11/11/2023 cho đến khi trả hết nợ vay cho **Ngân hàng TMCP K**.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông **Lê Triệu V** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 189.412.037 đồng, trong đó nợ gốc chưa thanh toán là 25.000.000 đồng, nợ lãi 40.785.589 đồng; phí phát sinh là 123.626.448 đồng, gồm phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng, phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng (tính đến ngày 10/9/2024) và ông **V** phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 11/9/2024 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

*Đối với bị đơn ông **Lê Triệu V***: Mặc dù ông **Lê Triệu V** đã được Tòa án niêm yết tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **Lê Triệu V** vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ một phần nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi 38.560.274 đồng (tính

đến ngày 10/9/2024). Không chấp nhận đối với số tiền lãi 2.225.315 đồng và tiền phí phát sinh là 123.626.448 đồng (gồm: phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng và phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024 thì nguyên đơn **Ngân hàng K** yêu cầu bị đơn ông **Lê Triệu V** trả số tiền nợ vay theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng quốc tế **K1** số 20017200000060 ngày 19/7/2017 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: **K đường B, tổ D phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa **Ngân hàng K** và ông **Lê Triệu V** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn ông **Lê Triệu V** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Lê Triệu V**.

[4] Về pháp luật nội dung áp dụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng quốc tế **K1** số 20017200000060 ngày 19/7/2017, giao dịch phát sinh vào năm 2017. Do đó, HĐXX xem xét áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án.

Về nội dung

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2024 là 189.412.037 đồng, trong đó: nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 40.785.589 đồng; phí phát sinh là 123.626.448 đồng (gồm: phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng và phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng).

[5.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 2000172000000 ngày 19/7/2017; Bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 19/7/2017,

giữa ông **V** và **Ngân hàng K** có ký kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền 25.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của **Ngân hàng N** quy định về hoạt động thẻ ngân hàng nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[5.2] Xét số tiền nợ gốc chưa thanh toán 25.000.000 đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng như nêu trên thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông **V** số tiền 25.000.000 đồng. Ông **V** đã sử dụng khoản tiền vay và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù **Ngân hàng K** nhiều lần liên lạc, đốc thúc yêu cầu ông **V** trả nợ nhưng ông vẫn không thanh toán. Như vậy, ông **V** đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với **Ngân hàng K**. Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng K** đối với ông **V** là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 2000172000000 ngày 19/7/2017; Bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của **Ngân hàng N** nên HĐXX chấp nhận.

[5.3] Xét số tiền nợ lãi 40.785.589 đồng: Theo Quy định biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ tại **Ngân hàng K** (ban hành kèm quyết định số 2189/QĐ-NHKL ngày 10/7/2017 của Tổng giám đốc **Ngân hàng K**) thì lãi suất cho vay thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm là 22%/năm. Đối với số tiền vay 25.000.000 đồng, **Ngân hàng K** giải ngân cho ông **V** vào ngày 28/7/2017. Ngày 05/9/2017, ông **V** đã thanh toán đủ 25.000.000 đồng. Ngày 08/9/2017, ông **V** tiếp tục rút số tiền 25.000.000 đồng và từ thời điểm đó đến nay ông **V** không trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, thời gian tính lãi từ ngày 08/9/2017 đến ngày 10/9/2024 là 2559 ngày; số tiền lãi là: $25.000.000 \times 22\%/365 \times 2559 \text{ ngày} = 38.560.274 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông **V** thanh toán cho **Ngân hàng K** số tiền lãi là 40.785.589 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, HĐXX chỉ chấp nhận số tiền lãi 38.560.274 đồng, không chấp nhận số tiền lãi: $40.785.589 \text{ đồng} - 38.560.274 \text{ đồng} = 2.225.315 \text{ đồng}$.

[5.4] Xét số tiền phí phát sinh là 123.626.448 đồng gồm phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng và phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng: Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 2000172000000 ngày 19/7/2017 thể hiện giữa **Ngân hàng K** và ông **V** có thỏa

thuận về nội dung phí chậm thanh toán và phí sử dụng vượt hạn mức. Theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 16/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2019 của **Ngân hàng N** quy định về phí dịch vụ thẻ như sau “...*Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức phát hành thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật...*”. HĐXX nhận thấy: Mặc dù, giữa **Ngân hàng K** và ông **V** có thỏa thuận về phí chậm thanh toán và phí sử dụng vượt hạn mức nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật. Theo Biểu phí thẻ tín dụng quốc tế **K1** đính kèm Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 2000172000000 ngày 19/7/2017 quy định phí chậm thanh toán là 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán (tối thiểu 50.000 đồng, tối đa 630.000 đồng), phí sử dụng vượt hạn mức là 0,0075%/ngày, tối thiểu là 22.000 đồng. HĐXX xét thấy: Theo các tính phí của **Ngân hàng K** nêu trên thì thực chất các khoản phí này là một hình thức tính lãi, trong đó khoản phí chậm thanh toán được tính bằng 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán, trong khi phần nợ gốc đã được sử dụng để làm căn cứ tính lãi quá hạn (lãi trong hạn và lãi quá hạn của **Ngân hàng K** là 22%/năm); khoản phí vượt hạn mức được tính 0,0075%/ngày đối với toàn bộ số tiền vượt quá 25.000.000 đồng trong khi thực tế số tiền vượt hạn mức là tiền lãi, phí cộng dồn. Việc tính phí như vậy không phù hợp với nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N** quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng. Đồng thời, sau thời điểm chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã tiến hành các thủ tục thu hồi nợ do đó khách hàng không thể sử dụng thẻ để giao dịch nên không thể tiếp tục tính các khoản phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức như Ngân hàng yêu cầu, số tiền ông **V** giao dịch không vượt hạn mức 25.000.000 đồng. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền phí phát sinh là 123.626.448 đồng, gồm : phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng và phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng, số tiền lãi 38.560.274 đồng, không chấp nhận số tiền lãi 2.225.315 đồng và tiền phí phát sinh là 123.626.448 đồng (gồm: phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng và phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng), ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng K** đối với tổng số tiền: 63.560.274 đồng, trong đó: nợ gốc là 25.000.000 đồng và lãi là 38.560.274 đồng (tính đến ngày 10/9/2024), không chấp nhận tổng số tiền: 125.851.763 đồng, trong đó: số tiền lãi 2.225.315

đồng và tiền phí phát sinh là 123.626.448 đồng (gồm: phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng và phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng).

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông **Lê Triệu V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 63.560.274$ đồng = 3.178.014 đồng, nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là $5\% \times 125.851.763 = 6.292.588$ đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Khoản 2 Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần K** về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông **Lê Triệu V**.

2. Buộc ông **Lê Triệu V** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần K** tổng số tiền 63.560.274 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng); trong đó: nợ gốc là 25.000.000 đồng và nợ lãi là 38.560.273 đồng (tính đến ngày 10/9/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Không chấp nhận yêu cầu của **Ngân hàng Thương mại cổ phần K** đối với tổng số tiền: 125.851.763 đồng, trong đó: tiền lãi là 2.225.315 đồng và tiền

phí phát sinh là 123.626.448 đồng (gồm: phí phạt chậm trả là 48.523.652 đồng và phí vượt hạn mức là 75.102.796 đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Lê Triệu V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.178.014 (Ba triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.292.588 đồng (Sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.381.568 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi một nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0001618 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. **Ngân hàng Thương mại cổ phần K** còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.911.020 đồng (Một triệu chín trăm mười một nghìn không trăm hai mươi đồng).

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Tuyên

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông **V** đã thực hiện 07 giao dịch với tổng số tiền 21.796.928 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay thì ông **V** thanh toán cho Ngân hàng số tiền 18.946.000 đồng (*Theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 20 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông **V** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Đến ngày 01/4/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông **V** có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và cũng tạo điều kiện về thời gian để ông **V** trả nợ, tuy nhiên ông **V** vẫn không thực hiện, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, **Ngân hàng K** đã khởi kiện ông **Lê Triệu V**.

